

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST

Ngày 30-9-2022

V/v: “Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Kim Kinh
Bà Nguyễn Thị Hồng Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 418/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 486/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973, có mặt.

Địa chỉ: Đội 02, thôn 1, xã ND, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1979, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 3, xã ND, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/4/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày ngày 28/6/2022, ngày 05/7/2022, bản trình bày ngày 01/7/2022, bản tự khai ngày 11/8/2022, trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà với bà Nguyễn Thị Phương T là chỗ chị em quen biết nhiều năm nay.

Ngày 12/12/2020, bà T nói cuối năm thiếu vốn làm ăn nên bà T hỏi mượn bà số tiền là 150.000.000 đồng hứa qua tết trả. Ban đầu bà thấy mượn thời gian ngắn nên không lấy lãi nhưng bà T chủ động đề nghị được trả lãi 1,5%/tháng tương ứng số tiền lãi là 2.250.000 đồng. Việc thỏa thuận lãi là thỏa thuận bằng miệng. Sau khi nhận tiền mặt trực tiếp từ bà thì bà T có tự tay viết giấy mượn tiền vào sổ để bà giữ làm tin, với số tiền 150.000.000 đồng, bà và bà T không có thỏa thuận cụ thể ngày trả tiền.

Đến ngày 02/4/2021, bà T chuyển khoản thanh toán cho bà 9.000.000 đồng tương ứng 04 tháng tiền lãi từ tháng 01/2021 âm lịch đến tháng 04/2021 âm lịch. Từ đó đến nay bà T không trả cho bà bất kỳ lần nào khác.

Đến ngày 23/4/2021 âm lịch, bà T tiếp tục hỏi mượn bà số tiền 200.000.000 đồng với lý do làm ăn bị giữ vốn. Ban đầu bà không đồng ý nhưng sau đó bà T hứa mỗi ngày sẽ góp cho bà 5.000.000 đồng và khi trả gốc sẽ hậu tạ bà. Thấy bà T là người uy tín, luôn tỏ ra giàu có, có mối quan hệ nên bà đồng ý và đưa cho bà T 200.000.000 đồng tiền mặt. Bà T tự tay viết giấy mượn tiền vào sổ của bà để bà giữ làm tin, không có thỏa thuận lãi cụ thể, bà có nói khi nào em góp xong thì có cho chị ít tiền lãi. Từ ngày 24/4/2021 âm lịch đến ngày 05/5/2021 âm lịch là 11 ngày, mỗi ngày bà T đã góp cho bà 5.000.000 đồng, tương ứng 55.000.000 đồng, còn nợ lại 145.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần thứ nhất vào ngày 26/4/2021 âm lịch: Bà T góp 15.000.000 đồng cho 03 ngày 24, 25 và 26/4/2021 âm lịch.

Lần thứ hai vào ngày 29/4/2021 âm lịch: Bà T chuyển vào số tài khoản của bà số tiền 15.000.000 đồng để góp cho 03 ngày là 27, 28 và ngày 29/4/2021 âm lịch.

Lần thứ ba vào ngày 05/5/2021 âm lịch: Bà T chuyển vào số tài khoản của bà số tiền 25.000.000 đồng để góp cho 05 ngày từ ngày 01/5/2021 âm lịch đến ngày 05/5/2021 âm lịch.

Từ ngày 06/5/2021 âm lịch, lợi dụng tình hình dịch bệnh COVID 19 không thể đi ra ngoài và kinh doanh khó khăn nên bà T không góp tiền cho bà nữa. Bà có nhiều lần liên lạc yêu cầu bà T phải trả cho bà số tiền 150.000.000 đồng đã mượn vào ngày 12/12/2020 âm lịch và 145.000.000 đồng còn nợ lại của số tiền 200.000.000 đồng đã mượn vào ngày 23/4/2021 âm lịch nhưng bà T đưa ra nhiều lý do để trốn trả tiền.

Đến tháng 8/2021, bà nghe thông tin nhiều người bị bà T lừa mượn tiền rồi bỏ trốn không trả nên bà đã tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên của bà Nguyễn Thị Phương T tại Công an tỉnh Quảng Ngãi. Tại Công an tỉnh Quảng Ngãi bà T thừa nhận việc mượn tiền của bà và chưa trả xong.

Quá trình điều tra, Công an tỉnh Quảng Ngãi có Thông báo trả lời đơn thư tố giác cho bà và xác định bà T không vi phạm pháp luật hình sự; đề nghị bà khởi kiện tại Tòa án. Do vậy, nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi giải quyết buộc:

- Bà Nguyễn Thị Phương T trả lại 145.000.000 đồng còn nợ lại cho bà theo giấy mượn nợ ghi ngày 23/4/2021 và bà T phải trả tiền lãi đối với số tiền 145.000.000 đồng. Từ ngày 06/5/2021 đến khi trả xong số tiền này bà tạm tính đến ngày 06/6/2022 âm lịch là 13 tháng với mức lãi suất 0,83% tháng tương ứng số tiền là: 16.890.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Phương T phải trả lại bà số tiền 150.000.000 đồng theo giấy mượn tiền đề ngày 12/12/2020 và số tiền lãi tính từ ngày 12/5/2021 đến ngày trả xong số tiền này với mức lãi suất theo thỏa thuận của bà và bà T là 1,5%/tháng; bà tạm tính từ ngày 12/5/2021 đến ngày 12/6/2022 âm lịch là 13 tháng tương ứng số tiền 29.250.000 đồng.

Tổng số tiền bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương T phải hoàn trả cho bà là 341.140.000 đồng. Trong đó bao gồm 295.000.000 đồng tiền nợ gốc theo 02 giấy mượn tiền đề ngày 12/12/2020 âm lịch và ngày 23/4/2021 âm lịch và 46.140.000 đồng tiền lãi của 02 khoản nợ gốc.

Ngày 30/9/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị N rút yêu cầu bà Nguyễn Thị Phương T trả nợ lãi 46.140.000 đồng.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử tại Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

+ Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 91, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 465, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc cho bà Nguyễn Thị N 295.000.000 đồng.

Đình chỉ xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị N rút yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T trả nợ tiền lãi 46.140.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại 8.528.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N thấy rằng: Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị N cung cấp, thì bà Nguyễn Thị Phương T và bà Nguyễn Thị N có mối quan hệ quen biết, bà T vay tiền 150.000.000 đồng của bà N vào ngày 12/12/2020 âm lịch không quy định

thời hạn trả, với lãi suất 1,5%/tháng. Tiếp đến vào ngày 23/4/2021 âm lịch bà T tiếp tục vay tiền của bà Nguyệt 200.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 5.000.000 đồng, đến ngày 05/5/2021 bà T đã trả góp được 55.000.000 đồng còn nợ lại 145.000.000 đồng tiền gốc, sau ngày 05/5/2021 âm lịch thì bà T không trả góp nữa.

Theo giấy mượn tiền ghi ngày 12/12/2020 âm lịch có nội dung “Bé T mượn chị N 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Chuyển tiền lãi tháng (1+2R) (3+4R)” thì đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, có lãi suất và giấy mượn tiền ghi ngày 23/4/2021 có nội dung “Em T mượn 200.000(Hai trăm triệu), góp 24/4 ngày đóng 5.000.000 đồng...” thì đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, không có lãi suất.

Trong quá trình bà T vay tiền đã trả cho bà N được 9.000.000 đồng tiền lãi của giấy vay tiền ghi ngày 12/12/2020 âm lịch và bà T trả được 55.000.000 đồng tiền gốc của giấy vay tiền ghi ngày 23/4/2021 âm lịch và theo Biên bản ghi lời khai của cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi (Bút lục 50), thì có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T trả nợ số tiền gốc tổng cộng 295.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N rút yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T trả nợ tiền lãi 46.140.000 đồng là tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử về yêu cầu trả tiền nợ lãi của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Do buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N tổng cộng tiền nợ gốc là 295.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 295.000.000 đồng x 5% = 14.750.000 đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 8.528.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002981 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 465, Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2- Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị Phương T phải có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc cho bà Nguyễn Thị N 295.000.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị N rút yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T trả nợ tiền lãi 46.140.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu 14.750.000 đồng (Mười bốn triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 8.528.500 đồng (Tám triệu, năm trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm đồng) cho bà Nguyễn Thị N theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002981 ngày 21/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4- Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng